

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Bác Ái

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện Công văn số 72/HĐND-VP ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021.

Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái báo cáo như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình:

1. Thực trạng tài nguyên rừng:

- Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là: 102.722,04 ha;
- Tổng diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng: 61.245,75 ha.

1.1. Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo hiện trạng rừng:

a) Diện tích có rừng 61.245,75 ha, gồm:

- Rừng tự nhiên: 59.031,30 ha;
- Rừng trồng: 2.223,45 ha (trong đó diện tích rừng trồng chưa thành rừng: 819,00 ha)

b) Diện tích đất chưa có rừng: 17.008,66 ha

1.2. Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng:

- Đặc dụng: 19.607,67 ha (gồm: Rừng tự nhiên 16.748,46 ha; rừng trồng 149,61 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng 18,06 ha);
- Phòng hộ: 37.268,14 ha (gồm: Rừng tự nhiên 36.499,87 ha; rừng trồng 768,17 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng 111,68 ha);
- Sản xuất: 6.991,12 ha (gồm: Rừng tự nhiên: 5.703,59 ha; Rừng trồng 1.287,53 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng 689,26 ha).

1.3. Độ che phủ rừng toàn huyện:

Độ che phủ rừng huyện Bác Ái tại thời điểm tháng 12/2021 là 58,83 % (không tính 819,00 ha rừng trồng chưa thành rừng).

2. Thực trạng về lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chủ rừng:

2.1 Thực trạng về lực lượng Kiểm lâm:

Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Ái được biên chế 23 công chức. Trong đó: có 23 Nam; trình độ chuyên môn: Đại học 15 đ/c, trung cấp: 08 đ/c; trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp 01 đ/c, Trung cấp 05 đ/c. Bộ máy gồm 02 lãnh đạo; 01 kế toán; 03 Tổ chuyên môn, nghiệp vụ; 08 Kiểm lâm địa bàn.

2.2 Thực trạng về lực lượng các đơn vị chủ rừng:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến bố trí 4 Trạm QLBRV gồm: Trạm QLBRV Sa Vin, Trạm QLBRV Phước Hòa, Trạm QLBRV Trà Co và Trạm QLBRV Suối Rua; bố trí 22 viên chức/04 Trạm;

- Ban QLPHDN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu bố trí 04 Trạm QLBRV gồm: Trạm QLBRV Phước Trung, Trạm QLBRV Phước Chính, Trạm QLBRV Phước Đại và Trạm QLBRV Phước Thành., mỗi trạm 04 nhân viên;

- Hạt Kiểm lâm - Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình bố trí 03 Trạm Kiểm lâm gồm: Trạm Kiểm lâm Bạc Ray, Trạm Kiểm lâm Cà Rum và Trạm Kiểm lâm Gia É; bố trí 14 công chức Kiểm lâm/03 Trạm.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn tỉnh

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 - 2021: (thống kê tổng hợp danh mục văn bản).

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10, ngày 29/6/2001;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;

- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, ngày 22/11/2019;

- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;
- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;
- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ;
- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/03/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
- Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ về quy định việc phối hợp của dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, bảo vệ và phòng chống cháy rừng;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;
- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;
- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;
- Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày

19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg

ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;

- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Kế hoạch số 66/KHPH-PCCC-KL ngày 09/4/2021 về việc phối hợp giữa Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và Cục Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021 theo thẩm quyền: (thống kê kèm danh mục văn bản ban hành).

- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 06/5/2016 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ cây rừng tự nhiên còn sót lại trên đất nằm ngoài khu vực quy hoạch cho lâm nghiệp, trên đất nông nghiệp và đất thổ cư;

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 10/5/2016 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật trên địa bàn huyện Bác Ái;

- Quyết định số 1340/QĐ-UBND, ngày 28/9/2021 về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng giữa các đơn vị chủ rừng BQL Vườn Quốc gia Phước Bình, Hạt Kiểm lâm BQL Vườn Quốc gia

Phước Bình, BQL rừng PHĐN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến, chính quyền địa phương các xã và Hạt Kiểm lâm huyện Bác Ái;

- Phương án PCCCR&TQCPR; kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; kế hoạch cao điểm PCCCR và TQCPR trước, trong và sau tết Dương Lịch, Nguyên Đán hàng năm.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Ngay từ đầu mùa khô, UBND huyện đã chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức họp dân tuyên truyền trong nhân dân bằng nhiều hình thức: Hội thi, hệ thống truyền thanh của xã, lồng ghép trong các buổi họp dân, tuyên truyền lưu động bằng xe; hướng dẫn người dân đốt dọn nương rẫy theo đúng quy trình, thời điểm, vận động người dân ký cam kết không chặt phá rừng làm rẫy, lấn chiếm trái pháp luật. Đồng thời, cung cấp nội dung tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp đến các xã để thường xuyên phát trên loa đài đến toàn thể nhân dân. Đối tượng được tuyên truyền giáo dục chủ yếu vào các hộ dân sống gần rừng, ven rừng, các đối tượng thường xuyên tác động vào rừng, học sinh, thanh thiếu niên, các cơ sở kinh doanh chế biến lâm sản, các nhà hàng, quán ăn kinh doanh động vật rừng. (Có phụ biểu 01 kèm theo)

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan): hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế quy định trong các văn bản cụ thể hoá chỉ đạo, điều hành, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

- Tình trạng các văn bản pháp luật ban hành pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột;

- Tính ổn định của văn bản pháp luật thấp, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung;

- Chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật chưa bảo đảm, chưa phù hợp thực tiễn, tính khả thi thấp;

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn huyện

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

a) Công tác quản lý rừng:

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã tham gia xây dựng quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 phù hợp với tình hình thực tế địa phương; tiếp nhận bàn giao quy hoạch, triển khai công tác quản lý, bảo vệ trên kết quả quy hoạch đã được phê duyệt.

- Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã: Tham gia công tác bàn giao thực địa cho chủ quản lý, bàn giao đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp cho UBND các xã do Chi cục Kiểm lâm chủ trì.

- Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp: Hiện nay các đơn vị chủ rừng, UBND xã trực tiếp quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, UBND Huyện đã giao cho Hạt Kiểm lâm tiến hành cắm mốc ranh giới hiện trạng quản lý cho các xã.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy (kết quả quản lý diện tích đất nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng): Trên toàn địa bàn huyện hiện nay có 9.317,52 ha nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, hiện tiếp tục quản lý chặt chẽ không để xảy ra tình trạng lấn chiếm; công tác lập hồ sơ quản lý sẽ triển khai thực hiện trong quý II năm 2022 theo chỉ đạo của Chi cục Kiểm lâm.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021, đặc biệt là chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định pháp luật: Chấp hành quyết định của UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 4,97 ha, trong đó rừng tự nhiên: 4,849 ha, rừng trồng: 0,0091 ha;

- Thực hiện nguyên tắc các diện tích rừng phải có chủ, do đó quy hoạch giai đoạn 2016-2025 các diện tích do UBND các xã quản lý đã được chuyển dần cho các đơn vị chủ rừng quản lý;

- Công tác theo dõi diễn biến rừng, xác định các diện tích biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng cập nhật diễn biến rừng, đồng bộ dữ liệu về trung tâm kịp thời, theo quy định; phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng cấp huyện theo quy định.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- Công tác truy quét chống phá rừng trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 – 2021: Xác định công tác tuần tra truy quét chống phá rừng là ưu tiên hàng đầu nên được triển khai quyết liệt, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng trên địa bàn; các vụ việc vi phạm đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Từ năm 2016 đến nay phát hiện và xử lý kịp thời 897 vụ; tịch thu 347,78 m³ gỗ các loại, 42 cửa xăng, 135 xe mô tô, thu nộp ngân sách gần 500 triệu đồng; Đặc biệt củng cố hồ sơ chuyển cơ quan chức năng khởi tố 02 vụ phá rừng trái pháp luật và 01 vụ khai thác trái phép. (Có phụ biểu 3 kèm theo);

Đặc biệt là tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh với các huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng và huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa; kết quả ký kết và thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh, giữa các đơn vị chủ rừng, các tổ chức và cộng đồng tại địa phương. Cụ thể như sau:

+ Công tác tuyên truyền: Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm có tính chiến lược và lâu dài, trong thời gian qua Hạt Kiểm lâm Bắc Ái đã chủ động phối hợp với các đơn vị chủ rừng, chính quyền địa phương 09 xã tổ chức tuyên truyền từ năm 2016-2021 được 33.483 lượt người/311 đợt; tuyên truyền cho người dân sống trong khu vực giáp ranh về chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về công tác Quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng. Hướng dẫn và cho làm cam kết thực hiện đúng quy định về việc phát đốt dọn nương rẫy trong mùa khô. Việc phối hợp tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật trong thời gian qua đã phần nào nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của rừng đối với đời sống của con người cho cộng đồng dân cư sống ở trong rừng, ven rừng thuộc khu vực giáp ranh. (Kèm theo phụ biểu 01)

+ Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Rừng huyện Bắc Ái giáp ranh với các huyện ở tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hòa phần lớn là rừng thường xanh, độ ẩm cao nên tình trạng cháy rừng ít xảy ra, mặc dù vậy để chủ động trong công tác phòng cháy hàng năm UBND các xã trên địa bàn huyện Bắc Ái đã xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã. Triển khai thực hiện xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng hàng năm là căn cứ pháp lý để các đơn vị, ban ngành có liên quan trên địa bàn huyện chủ động, sẵn sàng, giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng qua đó tăng cường hơn nữa các hoạt động như tuyên truyền, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, công cụ..., bố trí điểm trực, tổ chức tuần tra, truy quét, nhằm phát hiện kịp thời, ứng cứu và ngăn chặn những tình huống, hoạt động trái pháp luật, gây nguy hại làm suy giảm diện tích và chất lượng rừng; Tính từ năm 2016-2021 đã xảy ra 64 vụ cháy rừng, với diện tích bị cháy là 35,64 ha, số người tham gia cứu chữa 1.060 người, thiệt hại không đáng kể; (Có phụ biểu 02 kèm theo)

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng:

2.1 Công tác giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế:

- Các đơn vị chủ rừng trên địa bàn huyện đang triển khai thực hiện các dự án khoán bảo vệ rừng theo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững hàng năm, đã thực hiện hợp đồng giao khoán đến thời điểm hiện nay cho 41 cộng đồng/845 hộ, 04 đơn vị tập thể với tổng diện tích: 24.096 ha;

- Công tác quản lý sử dụng nguồn kinh phí giao khoán bảo vệ đã ban hành quy chế quản lý sử dụng trích lại phần trăm thực hiện mô hình sinh kế nuôi Bò, Cừu, đến nay đã phát triển 442 con Bò, 52 con Dê (Ban QLR PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu 368 Bò, 52 con Dê, Cty TNHH MTV LN Tân Tiến 67 con Bò và BQL VQG Phước Bình 7 con Bò).

2.2 Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:

2.2.1 Kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án;

Công tác trồng và chăm sóc rừng phòng hộ: Trong giai đoạn 2016-2021 các đơn vị chủ rừng đã tổ chức trồng rừng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ gồm các loài cây Điều, Thanh thất. Chất lượng cây trồng đang trong thời kỳ sinh trưởng tốt, đảm bảo đúng mật độ quy định. Không có các hiện tượng xâm hại làm ảnh hưởng đến cây trồng. *(Có phụ biểu 05 kèm theo)*

2.2.2 Kết quả trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2013-2021 theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Luật Lâm nghiệp năm 2017 đối với các dự án do chủ dự án tự trồng rừng thay thế và các dự án nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Các đơn vị chủ rừng đã tổ chức thực hiện khảo sát, chuẩn bị đất, chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu đất đai thổ nhưỡng để thực hiện trồng rừng thay thế. Quỹ Quỹ BV&PTR tỉnh Ninh Thuận thuê tư vấn xây dựng hồ sơ thẩm định, trình các cấp phê duyệt và hợp đồng chủ rừng thực hiện trồng rừng thay thế đảm bảo diện tích, mật độ, loài cây và chăm sóc bảo vệ theo chu kỳ đầu tư cho đến khi thành rừng. Hàng năm các cơ quan chức năng nghiệm thu điều đạt tỷ lệ sống theo quy định. Hiện nay cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, mang lại hiệu quả thiết thực nhằm mục đích phủ xanh diện tích đất trống, đồi núi trọc, nâng cao độ che phủ của rừng, chống xói mòn sạt lở đất núi, đá lăn, nâng cao tính phòng hộ của rừng, cải tạo môi trường, tái tạo độ phì nhiêu đất, giải quyết việc làm cho lao động dư dôi tại địa phương, góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo vệ an ninh quốc phòng. Từ năm 2016-2021 trồng được 835,98 ha. *(Có phụ biểu 05 kèm theo)*

2.2.3 Đánh giá hiệu quả trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, diện tích trồng rừng thay thế thành rừng, diện tích trồng rừng thay thế không thành rừng, trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ trồng thế theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

2.2.4 Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Ban quản lý PHĐN hồ liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu thực hiện theo Chương trình MTPTLN bề vững có tác động từ năm 2016-2021 là 4.300 ha *(Phụ biểu 5 của BQL RPHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu)*.

2.2.5 Kết quả trồng cây phân tán, tổ chức quản lý, bảo vệ cây phân tán tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp: Từ năm 2016-2021 trên toàn huyện Bác Ái trồng cây phân tán được 537.498 cây *(Có phụ biểu 05 kèm theo)*

2.2.6 Đánh giá kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm: Công tác gieo ươm cây giống phục vụ cho công tác trồng và chăm sóc rừng trồng luôn được các đơn vị chủ rừng quan tâm từ khâu lựa chọn giống (được chọn từ những vườn giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng), kỹ thuật gieo ươm, người gieo tạo (là những người có kinh nghiệm lâu năm trong công tác gieo ươm tại vườn ươm) đảm bảo cung cấp nguồn giống cây lâm nghiệp đạt chất lượng, số lượng cây giống phục vụ công tác trồng, chăm sóc rừng trồng hằng năm, chủ yếu là các loài cây: Điều, Thanh thất, Lim.....

2.2.7 Đánh giá công tác ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các mô hình thực nghiệm, nông lâm kết hợp (trồng mới, chăm sóc mô hình thực nghiệm); kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học: Kết quả thực hiện ứng dụng công nghệ sinh học vào trong công tác bảo tồn nguồn gene: Trong giai đoạn 2016-2021 Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình đã đề xuất các đề tài bảo tồn nguồn gene quý hiếm tại Vườn quốc gia Phước Bình, cụ thể:

- Năm 2018, triển khai thực hiện đề tài “ Bảo tồn nguồn gene Nấm linh chi tại VQG Phước Bình”;

- Năm 2021, triển khai thực hiện đề tài “Bảo tồn và phát triển nguồn gen Nấm Quế linh chi (*Humphreya endertii*) có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Phước Bình;

- Thực hiện bảo tồn nguồn gen và nhân giống loài lan Giã Hạc. Suu tập được hai loài lan Hải vân và Hạc đỉnh trắng thực hiện nuôi trồng chăm sóc và bảo tồn;

2.2.8 Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp luôn được các cấp, ngành quan tâm. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận, Chi cục Kiểm lâm thường xuyên mở các lớp tập huấn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ như hướng dẫn sử dụng máy định vị, lập biên bản xử lý vi phạm, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng và chống phá rừng, phần mềm FRMS cập nhật theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.... Qua đó, giúp nâng cao trình độ và chuyên môn cho công chức viên chức làm nhiệm vụ QLBR. Hàng năm chi cục Kiểm lâm tỉnh tổ chức từ 1-2 đợt tập huấn, mỗi đợt công chức, viên chức ngành lâm nghiệp tham gia khoảng 35 người/đợt.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh (chỉ tiêu giai đoạn 2016 – 2020 và chỉ tiêu của năm 2021):

- Năm 2016 độ che phủ rừng huyện Bác Ái là 56,59 % đến năm 2021 tăng lên 58,83%, nguyên nhân là tiêu chí rừng tự nhiên thay đổi giữa Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (*Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tỉnh Ninh Thuận được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/5/2021*)

- Tình trạng phá rừng trái pháp luật được kiểm soát, diện tích rừng được bảo vệ nên tỷ lệ che phủ rừng được duy trì, hơn nữa một số diện tích rừng trồng trong thời gian tới sẽ được nghiệm thu thành rừng, góp phần tăng tỷ lệ độ che phủ rừng.

4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở

những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao...

- Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đã góp phần bảo vệ tốt tài nguyên rừng hiện có, bên cạnh đó công tác phát triển rừng như trồng rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng,... còn góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ, cải thiện môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu và giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương, gắn việc bảo vệ và phát triển rừng với việc nâng cao thu nhập cho người dân đặc biệt là những hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình nghèo, cận nghèo thuộc các xã khu vực II,III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từ đó nâng cao nhận thức, gắn quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Việc thực hiện các chính sách đầu tư về bảo vệ và phát triển rừng thời gian vừa qua đã và đang phát huy hiệu quả, đạt được nhiều thành tựu tích cực, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững vốn rừng hiện có, cải thiện đời sống những người dân sống gần rừng, nhất là đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa; từng bước khẳng định vị trí, vai trò của ngành lâm nghiệp trong nền kinh tế củ huyện. Điều đó thể hiện cụ thể ở các chỉ số như tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc tăng từ 56,59% năm 2016 lên 58,83% năm 2021.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trong thời gian qua cũng đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định. Đặc biệt, hiện nay các chính sách về lâm nghiệp đang được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, có các mức đầu tư cho các đối tượng rất khác nhau, trong khi đó Luật Lâm nghiệp và Nghị định 156/2018/NĐ-CP đã có nhiều quy định mới về hoạt động đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016 – 2020 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh theo từng nguồn vốn: vốn chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; vốn các dự án, vốn liên doanh liên kết, vốn sự nghiệp lâm nghiệp...

Các nguồn vốn do Tỉnh huy động như: Vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; vốn các dự án và nguồn vốn sự nghiệp lâm nghiệp và phân bổ các nguồn vốn... đảm bảo cho các chủ rừng thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Nguồn vốn được đầu tư cho lâm nghiệp trong giai đoạn 2016 – 2021 đảm bảo đủ cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.

6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương.

- Thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, chính quyền, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai, đạt được những kết quả quan trọng đặc biệt là sự chuyển biến mạnh

mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương được nâng cao.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương được nâng cao, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời; tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Quá đó, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn có chuyển biến tích cực.

- Thực hiện Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN, ngày 04/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã. Trên địa bàn huyện có 9/9 xã có rừng đều được bố trí Kiểm lâm địa bàn. Kiểm lâm địa bàn đã phát huy hết trách nhiệm của mình, tham mưu UBND xã triển khai thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng, các ngành của xã thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin, ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu vi phạm ban đầu có nguy cơ xâm hại đến tài nguyên rừng trên địa bàn quản lý; kiểm tra kiểm soát chặt chẽ các tuyến đường có khả năng xảy ra tình trạng vận chuyển lâm sản trái phép; ngăn chặn không cho người đưa phương tiện và công cụ ra vào rừng trái phép.

7. Vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và UBND các huyện).

IV. Đánh giá chung:

1. Thuận lợi, khó khăn:

1.1 Thuận lợi:

- Sự quan tâm chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Kiểm lâm, Huyện ủy trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Công tác phối kết hợp giữa cơ quan, đơn vị, ngành chức năng được triển khai đồng bộ với nhiều giải pháp tích cực; tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn; công tác phát triển rừng được triển khai thực hiện đạt kế hoạch, gắn bảo vệ rừng kết hợp sinh kế cho người dân đã giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Công tác truy quét chống phá rừng được triển khai tích cực, quyết liệt; sự phối kết hợp nhịp nhàng trong công tác chống phá rừng được nâng lên; UBND các xã cũng xác định được vai trò, trách nhiệm của mình và đã tích cực, chủ động chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ chống phá rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý.

- Các tổ cộng đồng nhận khoán chăm sóc BVR theo Nghị định 75/2015 của Chính phủ, đã ý thức được vai trò trách nhiệm của mình, chủ động cùng cố các chốt bảo vệ rừng, tổ chức ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng cũng như thực hiện công tác PCCCR trên lâm phần mình nhận khoán bảo vệ.

- Công tác giao rừng khoán quản cho các tổ chức, cộng đồng thôn đã dần phát huy hiệu quả, qua đó tạo thêm nguồn thu cho người dân tham gia bảo vệ rừng phần nào giảm được áp lực cho công tác QL BVR.

1.2 Khó khăn:

- Rừng và đất quy hoạch phát triển rừng chiếm gần 79% diện tích tự nhiên toàn huyện; địa hình đồi núi hiểm trở, giáp ranh với nhiều huyện trong và ngoài tỉnh nên cũng phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát hiện và triển khai chống phá rừng và chữa cháy rừng.

- Các đối tượng khai thác tinh vi như dùng cưa máy giảm thanh, vận chuyển lâm sản bằng xe mô tô độ chế chạy tốc độ cao chủ yếu hoạt động vào ngày nghỉ, ban đêm gây không ít khó khăn trong việc phát hiện và ngăn chặn của các lực lượng chức năng.

- Phần lớn diện tích đất nông nghiệp của người dân hiện xen kẽ trong lâm phần dẫn tới các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng trái phép để coi nôi, mở rộng diện tích nương rẫy mỗi năm rất khó phát hiện; việc phát, đốt nương rẫy để canh tác nông nghiệp dễ có nguy cơ cháy lan vào rừng.

- Chính sách hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bảo vệ rừng tại cơ sở đối với diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý theo Quyết định số 07/2012/QĐ-CP ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng chưa được quan tâm, triển khai thực hiện.

2. Kết quả đạt được:

2.1. Đã ngăn chặn gần như triệt để, dứt điểm tình trạng khai thác, vận chuyển, mua bán trái phép lâm sản trên địa bàn huyện, chỉ còn xảy ra các vụ việc vi phạm nhỏ, lẻ khai thác cây Dầu non làm đũa ăn; Đối với khu vực rừng giáp ranh ngoài tỉnh tình trạng khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp làm nương rẫy không xảy ra các vụ việc phức tạp. Công tác tuần tra truy quét chống phá rừng được triển khai quyết liệt, có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Tình trạng vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng giảm mạnh so với những năm trước đây cả về tính chất, mức độ vi phạm, an ninh về lâm nghiệp được giữ vững.

2.2. Các vụ cháy rừng đã được phát hiện và cứu chữa kịp thời nên thiệt hại tài nguyên rừng do cháy gây ra chủ yếu cháy thực bì lướt dưới mặt đất rừng, ít ảnh hưởng đến cây rừng.

2.3. Công tác giao rừng khoán quản cho các tổ chức, cộng đồng thôn phát huy hiệu quả bảo vệ rừng, tạo thêm nguồn thu, sinh kế cho người dân tham gia

bảo vệ rừng, góp phần giảm được áp lực cho công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với các lực lượng và chính quyền.

2.4. Công tác quy hoạch 03 loại rừng cho đến nay đã cơ bản hoàn chỉnh tạo thuận lợi cho công tác quản lý, quy hoạch cho định hướng phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng tại địa phương cụ thể: Rừng tự nhiên: 59.001,98 ha, rừng trồng: 1.223,69 ha, độ che phủ: 58,6%.

2.5. Sau khi Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ QLBR giữa các lực lượng ngành lâm nghiệp và chính quyền địa phương các xã được ký ban hành có hiệu lực thi hành, công tác QLBR trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực rõ nét, các đơn vị chủ rừng, Hạt Kiểm lâm, chính quyền địa phương đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình tạo lập được mối quan hệ phối hợp khăng khít, chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ QLBR, các giải pháp được triển khai thực hiện đồng bộ, bước đầu đem lại kết quả trong công tác QLBR.

3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc: Đánh giá từng nội dung tại mục III đề cương này).

3.1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

- Công tác quản lý rừng và đất rừng còn những tồn tại, vướng mắc, bất cập: một số diện tích rừng và đất rừng có hiện trạng quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 199/QĐ-UBND, ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 trên bản đồ không trùng với hiện trạng thực tế ngoài thực địa, diện tích đất nương rẫy của người dân xen kẽ trong rừng và đất rừng chưa được bóc tách, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho chủ rừng chưa được thay đổi, bổ sung theo quy định (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trước đây đã hết hạn*).

- Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trái pháp luật vẫn còn xảy ra tìm ẩn nhiều bất ổn khó lường.

- Phần lớn diện tích đất nông nghiệp của người dân hiện xen kẽ trong lâm phần dẫn tới các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng trái phép dễ coi nói, mở rộng diện tích nương rẫy mỗi năm rất khó phát hiện; việc phát, đốt nương rẫy dễ canh tác nông nghiệp dễ có nguy cơ cháy lan vào rừng.

- Đơn vị chủ rừng chưa có biện pháp hữu hiệu để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ phá rừng xảy ra trên lâm phần được giao quản lý; lực lượng chuyên trách quản lý bảo vệ rừng còn thiếu, yếu về năng lực, chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết nên gặp khó khăn trong công tác tuần tra truy quét chống phá rừng, nhiều vụ phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất không phát hiện được đối tượng vi phạm

- Đối tượng có hành vi vi phạm về phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất chủ yếu là người địa phương có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước nên khi ra quyết định

xử phạt đối với các đối tượng này thì họ thường không có đủ khả năng thi hành thực hiện quyết định xử phạt nên thiếu tình răn đe, giáo dục.

- Đặc biệt nổi cộm có một nhóm đối tượng là đồng bào thiểu số thuộc dân tộc Chăm ở ngoài huyện (chủ yếu ở thôn Thành Tín, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước) có yếu tố nước ngoài vào khu vực địa bàn xã Phước Chính lôi kéo, xúi dục người dân địa phương phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất có thái độ chây lỳ, ngoan cố, chống đối, khiêu nạt, khiêu kiện không chấp hành quyết định xử phạt, từ đó không tạo được tính nghiêm minh của pháp luật dẫn đến các đối tượng khác tiếp tục lén lút phá rừng, lấn chiếm đất trái phép.

- Các vụ vi phạm phá rừng vượt mức xử phạt vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm chuyển sang xử lý hình sự chưa được củng cố hồ sơ kịp thời để chuyển sang cơ quan điều tra, do nguyên nhân giám định mức độ thiệt hại tài nguyên rừng thực hiện chậm, thiếu chính xác, không khởi tố vụ án kịp thời, dẫn đến đối tượng xem thường kỷ cương pháp luật.

- Cấp chính quyền địa phương các xã tuy đã ban hành Kế hoạch tuần tra truy quét chống phá rừng hàng tháng nhưng việc triển khai thực hiện hiệu quả chưa cao, thiếu sự kiểm tra giám sát hoạt động tuần tra, truy quét chống phá rừng của các đơn vị chủ rừng trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là quản lý rừng tận gốc. Kinh phí, phương tiện trang bị cho công tác quản lý bảo vệ rừng tại địa phương còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

3.2. Công tác phát triển rừng

Các chương trình dự án phát triển lâm nghiệp không ổn định, đầu tư theo từng giai đoạn và chậm chuyển tiếp tác động ảnh hưởng đến tính kế thừa các hạng mục đầu tư của chu kỳ tiếp theo, các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm giao trong công tác trồng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi súc tiến tái sinh rừng tự nhiên, khoán bảo vệ rừng chậm.

3.3. Về thực hiện tỷ lệ độ che phủ rừng

Mặc dù độ che phủ rừng có tăng nhưng diện tích trồng rừng thành rừng còn thấp, việc khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng và trồng bổ sung thực hiện được phân bổ còn hạn chế nên chưa tăng độ che phủ cao. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng để thực hiện các Dự án phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn hằng năm tạo áp lực rất lớn đến việc duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

3.4. Về thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng

- Kinh phí chi trả công khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng năm 2021, 2022 chưa cấp, suất đầu tư trồng rừng và khoán bảo vệ rừng còn thấp chưa đảm bảo được ngày công lao động trên thị trường do đó chưa thật sự thu hút người dân gần bó tham gia làm nghề rừng.

- Đối với công tác trồng và chăm sóc rừng trồng: Khí hậu khô hạn, đất đai cằn cỗi, địa hình đồi dốc, xa dân cư, thực bì đất trống trồng rừng chủ yếu là cỏ

Tranh, Lau, Sây công tác xử lý thực bì khó khăn tốn kém, vượt cao so với định mức quy định, đường vận chuyển không có, cự ly vận chuyển nhân công, cây giống, phân bón xa...về mùa, mưa thường hay bị sạt lở. Diện tích đất trống trồng và chăm sóc rừng phòng hộ manh mún, rải rác không tập trung, khó khăn cho công tác khảo sát, thiết kế, trồng rừng và rất khó quản lý, chăm sóc, phòng cháy chữa cháy rừng trồng.

3.5. Việc thực hiện các nguồn vốn

Nguồn vốn phân bổ thường chậm, nguồn vốn không ổn định thường đầu giai đoạn, nguồn vốn được phân bổ ít và thường tập trung vào các năm cuối giai đoạn. Vì vậy đã ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trồng rừng.

3.6. Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước

- Một số KLĐB chưa thực sự nắm chắc tình hình, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, dễ xảy ra phá rừng, cháy rừng.

- Công tác phối kết hợp giữa các lực lượng chống phá rừng chưa được thường xuyên, đồng bộ.

4. Nguyên nhân hạn chế:

4.1. Nguyên nhân khách quan:

Khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, diện tích rừng và đất lâm nghiệp rộng lớn, địa hình phức tạp, đồi núi hiểm trở, hệ thống giao thông đi lại khó khăn, lực lượng quản lý bảo vệ rừng còn thiếu nên cũng phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát hiện và triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng.

4.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhu cầu người dân trong xã hội sử dụng gỗ vẫn còn cao, các đối tượng tham gia phá rừng đa số là người dân nghèo trong và ngoài huyện; do không có việc làm ổn định đã vào rừng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép và phá rừng làm rẫy trái pháp luật để kiếm thu nhập.

- Vùng giáp ranh kéo dài, địa hình phức tạp, xa trụ sở chính quyền; các đối tượng vận chuyển lâm sản trái pháp luật sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi để trốn tránh sự kiểm tra ngăn chặn của cơ quan chức năng như thông tin dò đường, sử dụng các loại mô tô độ chế, có giá trị thấp để vận chuyển lâm sản...Tình hình trên, dẫn đến một phần hiệu quả công tác truy quét CPR chưa cao, chưa được ngăn chặn triệt để.

- Các tổ chức nhận khoán bảo vệ rừng chưa qua tập huấn, khi tổ chức truy quét chống phá rừng, thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng trên lâm phần chủ yếu thực hiện theo kế hoạch của các chủ rừng.

- Kinh phí cấp cho hoạt động QLĐVR còn thấp, không đủ để thường xuyên tổ chức huy động lực lượng liên ngành tham gia công tác QLĐVR. Do vậy, chỉ khi thực sự cần thiết mới tổ chức huy động lực lượng liên ngành tham gia phối hợp.

5. Một số bài học kinh nghiệm:

- Đề công tác quản lý bảo vệ rừng rừng đạt hiệu quả thì chính quyền địa phương, đoàn thể cần quán triệt sâu sắc, rộng các văn bản quy pháp pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng đến mọi tầng lớp cán bộ, nhân dân; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn những người không có nhiệm vụ vào rừng trong mùa khô.

- Vận động các hộ gia đình tham gia mô hình khoán bảo vệ rừng vì lực lượng cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng là lực lượng nòng cốt hỗ trợ đắc lực, thực hiện hiệu quả trong công tác QLBR, PCCCR và phát triển rừng.

- Luôn gắn công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng với kết hợp triển khai sinh kế tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập từ rừng cho người dân.

- Rà soát, quy hoạch và quản lý chặt chẽ việc canh tác nương rẫy của người dân sống ven rừng, trong rừng;

- Các cơ quan chức năng cần nắm rõ nhu cầu về đất sản xuất của người dân, từ đó có hướng giải quyết thỏa đáng về nhu cầu đất sản xuất, nhằm giảm tải tình trạng vào phá rừng làm nương rẫy trái pháp luật;

- Xây dựng phương án, kế hoạch tuần tra, truy quét chống phá rừng của các Ban chỉ huy trong quá trình hoạt động từng thời điểm trong năm;

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp đã ký kết để nâng cáo hiệu quả trong công tác chống phá rừng.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng;

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao trách nhiệm của UBND cấp xã và các đơn vị chủ rừng theo tinh thần Chỉ thị số 14-CT/HU ngày 26/9/2017 của Huyện ủy Bắc Ái, về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

- Tăng cường tổ chức giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị, tư tưởng cho các cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ QLBR. Đảm bảo duy trì đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực công tác, kiên định, vững vàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tích cực duy trì hoạt động của các tổ cộng đồng giao khoán bảo vệ rừng, nâng cao hơn nữa vai trò trách nhiệm và hiệu quả của tổ cộng đồng trong công tác QLBR, xem đây là giải pháp cơ bản, trọng tâm.

- Nâng cao hơn nữa vai trò của Kiểm lâm địa bàn trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại cơ sở, tăng cường sự phối kết hợp giữa Kiểm lâm với các ban ngành khác có liên quan cấp xã, huyện để cùng thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

- Triển khai một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững; giải quyết việc làm và hỗ trợ đồng bào dân tộc

thiếu số trên địa bàn huyện ổn định đời sống, giảm áp lực phụ thuộc vào rừng, xâm hại tài nguyên rừng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của BCD huyện, BCH. BVR&PCCCR các xã, các đơn vị chủ rừng trong việc triển khai thực hiện Phương án PCCCR và truy quét chống phá rừng đã được phê duyệt.

2. Công tác phát triển rừng.

- Tiếp tục thực hiện khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, duy trì các chốt trực bảo vệ, các tổ đội chuyên trách BVR và PCCCR. Thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng gắn với phát triển sinh kế của người nhận khoán bảo vệ rừng.

- Thực hiện rà soát hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp được giao nhằm xác định vị trí đối tượng thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng. Đẩy mạnh thực hiện trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng nhằm tăng diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng nhằm nâng cao độ che phủ rừng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình thực hiện các công trình trồng chăm sóc rừng, PCCCR rừng trồng đang trong giai đoạn đầu tư đảm bảo rừng trồng phải thành rừng.

VI. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo và sớm phê duyệt đề án nâng cao năng lực chống phá rừng và PCCCR cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Bắc Ái./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND huyện;
- CT và PCT.UBND huyện;
- Lưu: VPUB (LD, VT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Lâm



Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021

TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt			16	02	02	18	38
2	Diễn tập PCCC cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCC cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ	227	116	1.619	36		176	2.174
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	73	75	32	65	39	27	311
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	8.462	8.541	3.985	4.359	3.851	4.285	33.483
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT							
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT	1						1
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							



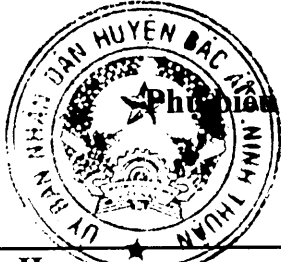
Biểu 02: Số vụ cháy rừng từ 2016-2021

Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
2016	19	10,59	19	341	Cháy dưới tán
2017	8	3,97	8	46	Cháy dưới tán
2018	5	2,52	5	104	Cháy dưới tán
2019	6	2,91	6	98	Cháy dưới tán
2020	24	15,21	24	440	Cháy dưới tán
2021	2	0,44	2	31	Cháy dưới tán
Tổng	64	35,64	64	1.060	



Biểu số 03: Kết quả các vụ vi phạm QLBRV từ 2016 - 2021

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Phá rừng trái phép	3	8	3	8	7	16	45
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác						1	1
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							0
4	VPQĐ về QLĐV hoang dã							0
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép	81	32	17	6	7	2	145
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác	3	4	5				12
7	Vi phạm khác	256	201	126	37	34	40	694



Phụ lục 04: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016 - 2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1, Tổng số vụ đã xử lý	316	267	174	46	49	45	897
2, Tịch thu							0
- Ô tô, máy kéo (chiếc)	0	0	0	0	0	0	0
- Xe trâu, bò kéo (chiếc)	0	0	0	0	0	0	0
- Xe máy (chiếc)	38	38	17	5	22	15	135
- Phương tiện khác (chiếc), cửa xăng	13	13	9	2	3	2	42
- Gỗ tròn (m ³)	55,2	70	93,616	10,578	11,441	9,355	250,19
- Gỗ xẻ (m ³)	55,598	23	9,666	1,36	0,888	7,078	97,59
- Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)			13.748				13.748
3, Thu nộp ngân sách nhà nước (1.000 đồng)	148,300	72,854	38,100	61,000	85,000	91,000	496,254



Phiếu biểu 05: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021
Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp tân Tiên

TT	Hạng mục	Đvt	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khoán bảo vệ rừng	lượt ha	33.040,65	33.040,65	8.988,00	9.988,00	7.988,00	2.076,65	2.000,00	2.000,00
1.1	Chương trình 30a	lượt ha	14.040,65	14.040,65	3.988,00	3.988,00	3.988,00	2.076,65		
1.2	Chương trình MTPTLNBV	lượt ha	19.000,00	19.000,00	5.000,00	6.000,00	4.000,00		2.000,00	2.000,00
2	Trồng rừng mới	ha	433,60	375,11	62,00		30,00	100,00	100,00	83,11
2.1	PH	ha	150,00	144,60	34,60		30,00		50,00	30,00
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	ha	33,60	27,40	27,40					
2.3	Trồng rừng thay thế	ha	250,00	203,11				100,00	50,00	53,11
3	Chăm sóc rừng	lượt ha	562,15	515,26	65,95	34,60	71,60	130,00	80,00	133,11
3.1	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	lượt ha	312,15	312,15	65,95	34,60	71,60	30,00	30,00	80,00
-	Chăm sóc năm 2	lượt ha	151,60	151,60	37,00	34,60		30,00		50,00
-	Chăm sóc năm 3	lượt ha	130,55	130,55	28,95		71,60		30,00	
-	Chăm sóc năm 4	lượt ha	30,00	30,00						30,00
3.2	Chăm sóc rừng trồng thay thế	lượt ha	250,00	203,11				100,00	50,00	53,11
-	Chăm sóc năm 2	lượt ha	150,00	150,00						150,00
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	lượt ha								
4.1	Có tác động	lượt ha								
-	Chương trình / dự án	lượt ha								
4.2	Không tác động	lượt ha								
5	Trồng cây phân tán	Ng.cây	150	150	130				20	



Đơn vị thực hiện: Ban quản lý rừng PHDN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu

Hồ biểu 5: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016 -2021

TT	Hạng mục	Đvt	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khoán bảo vệ rừng	Lượt ha		88.249,08	12.086,25	14.190,83	12.754,00	17.006,00	17.006,00	15.206,00
-	Chương trình MTPTLN bền vững	Lượt ha		73.551,28	9.275,35	11.379,93	10.092,00	11.092,00	17.006,00	14.706,00
-	Chương trình 30a	Lượt ha		14.197,80	2.810,90	2.810,90	2.662,00	5.914,00	0,00	0,00
-	Dịch vụ môi trường rừng	Lượt ha		500,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	500,00
2	Trồng mới rừng	ha		730,22	26,50	37,50	60,00	170,45	367,77	68,00
2.1	Trồng và chăm sóc năm I rừng phòng hộ	ha		339,95	0,00	12,00	60,00	59,90	170,05	38,00
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	ha		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.3	Trồng rừng thay thế	ha		390,27	26,50	25,50	0,00	110,55	197,72	30,00
3	Chăm sóc rừng	Lượt ha		1.147,17	0,00	26,50	64,00	124,00	282,45	650,22
-	Rừng phòng hộ	Lượt ha		493,85	0,00	0,00	12,00	72,00	119,90	289,95
-	Rừng sản xuất	Lượt ha		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	Rừng thay thế	Lượt ha		653,32	0,00	26,50	52,00	52,00	162,55	360,27
4	Khoanh nuôi XTTS	Lượt ha		4.300,00	0,00	460,00	960,00	960,00	960,00	960,00
4.1	Có tác động	Lượt ha		4.300,00	0,00	460,00	960,00	960,00	960,00	960,00
-	Chương trình MTPTLN bền vững	Lượt ha		4.300,00	0,00	460,00	960,00	960,00	960,00	960,00
4.2	Không tác động	Lượt ha		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Trồng cây phân tán	Ng. cây		382.948	172.000	0	0	0	163.502	47.446



Phụ biểu 05: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý VQG Phước Bình

TT	Hạng mục	Đvt	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khoán bảo vệ rừng	lượt ha		28.761,46	4.995,73	4.995,73	5.590,00	6.390,00	6.190,00	600,00
-	24/2012/QĐ-TTg	lượt ha		17.600,00	4.000,00	4.000,00	3.200,00	3.200,00	3.200,00	
-	30a/2008/NQ-CP	lượt ha		7.511,46	995,73	995,73	1.840,00	1.840,00	1.840,00	
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	lượt ha		1.650,00			550,00	550,00	550,00	
-	Chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng	lượt ha		2.000,00				800,00	600,00	600,00
2	Trồng rừng mới	ha		394,00	25,00	11,40	30,00	70,00	115,00	142,60
2.1	Trồng và chăm sóc năm I rừng ĐD, PH	ha		151,40	25,00	11,40	30,00	20,00	35,00	30,00
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	ha		-						
2.3	Trồng rừng thay thế	ha		242,60				50,00	80,00	112,60
3	Chăm sóc rừng	lượt ha		484,30	45,10	40,00	31,40	41,40	111,40	215,00
-	Chăm sóc rừng trồng PH, ĐD	lượt ha		304,30	45,10	40,00	31,40	41,40	61,40	85,00
-	Chăm sóc rừng trồng thay thế	lượt ha		180,00					50,00	130,00
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	lượt ha		-						
5	Trồng cây phân tán	Ng.cây		5,00					5,00	
-	Điều ghép	Ng.cây		5,00					5,00	



Biểu 06: Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021
Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến

Đvt: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo năm thực hiện					
			2016	2017	2018	2019	2020	2021
	Tổng cộng	23.637,1	3.192,7	2.638,9	2.344,0	5.335,2	4.024,8	6.101,5
1	Khoán bảo vệ rừng	8.582,8	2.229,7	2.454,7	1.467,7	830,7	800,0	800,0
-	Chương trình Nghị quyết 30a	4.328,7	1.196,4	1.196,4	1.105,2	830,7		
-	Chương trình MTPTLNBV	4.254,2	1.033,3	1.258,3	362,5		800,0	800,0
2	Trồng rừng mới	11.836,8	614,9	-	596,7	4.352,5	3.109,0	3.163,8
-	Trồng và chăm sóc năm I rừng ĐD, PH	2.829,1	482,9		596,7		996,9	752,6
-	Trồng rừng sản xuất	131,9	131,9					
-	Trồng rừng thay thế	8.875,8				4.352,5	2.112,1	2.411,2
3	Chăm sóc rừng	3.033,9	204,6	184,1	279,7	152,0	75,9	2.137,7
3.1	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	1.264,1	204,6	184,1	279,7	152,0	75,9	367,9
-	Chăm sóc năm 2	777,7	148,0	184,1		152,0		293,6
-	Chăm sóc năm 3	412,1	56,6		279,7		75,9	
-	Chăm sóc năm 4	74,2						74,2
3.2	Chăm sóc rừng trồng thay thế	1.769,8	-	-	-	-	-	1.769,8
-	Chăm sóc năm 2	1.769,8						1.769,8
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh							
4.1	Có tác động							
-	Chương trình/dự án							
4.2	Không tác động							
-								
-								
5	Trồng cây phân tán	183,55	143,55				40	



Phụ biểu 06: Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý VQG Phước Bình

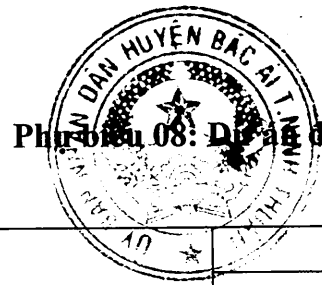
Đvt: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo năm thực hiện					
			2016	2017	2018	2019	2020	2021
	Tổng cộng							
1	Khoản bảo vệ rừng							
-	Cộng đồng	10.888,00	1.911,00	1.728,00	2.621,00	2.352,00	2.276,00	
-	Nguồn DVMT	632,00	23,00	33,00	96,00	240,00	240,00	
-	Nguồn NSNN	10.256,00	1.888,00	1.695,00	2.525,00	2.112,00	2.036,00	
	Đơn vị vũ trang (NSNN)	850,00	200,00	200,00	150,00	150,00	150,00	
2	Trồng rừng mới							
-	Trồng và chăm sóc năm I rừng ĐD, PH	3.143,64	367,25	237,18	589,95	392,68	746,26	810,33
-	Trồng rừng thay thế	11.524,28				2.072,61	3.645,53	5.806,13
3	Chăm sóc rừng							
-	Chăm sóc năm 2	5.823,58	84,66	71,48	214,04	1.040,89	1.824,27	2.588,24
-	Chăm sóc năm 3	2.827,71	54,08	36,66	77,81	572,64	928,03	1.158,49
-	Chăm sóc năm 4	1.663,22		23,04	76,11	301,70	591,90	670,46
-	Chăm sóc năm 5	703,44				189,54	312,38	201,53
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh							
5	Trồng cây phân tán							
-	Điều ghép	27,00					27,00	



Phụ biểu 07: Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2016-2021 trên địa bàn huyện Bắc Ái

Năm	Phân loại rừng	Diện tích đầu kỳ (ha)	Diện tích thay đổi (ha) (tăng (+), giảm (-))	Diện tích cuối kỳ (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng (ha)				Ngoài quy hoạch (ha)	Độ che phủ rừng (%)	Quyết định công bố hiện trạng rừng của Bộ NN&PTNT
					Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất			
2021	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	102.722,04	0,00	102.722,04	77.991,27	19.607,67	45.467,83	12.915,77		58,83	Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về việc công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện Bắc Ái năm 2021
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	80.775,88	-2.512,47	78.263,41	77.991,27	19.607,67	45.467,83	12.915,77	272,14		
	A. Đất có rừng	58.962,13	2.292,62	61.254,75	61.007,72	16.748,46	37.268,14	6.991,12	247,03		
	I. Rừng tự nhiên	57.030,03	2.001,27	59.031,30	58.802,31	16.598,85	36.499,87	5.703,59	228,89		
	II. Rừng trồng	1.932,10	291,35	2.223,45	2.205,31	149,61	768,17	1.287,53	18,14		
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.095,70	308,75	1.404,45	1.386,31	131,55	656,49	598,27	18,14		
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng	836,40	-17,40	819,00	819,00	18,06	111,68	689,26	0		
	B. Đất chưa có rừng	21.813,75	-4.805,09	17.008,66	16.983,55	2.859,21	8.199,69	5.924,65	25,11		



Phụ lục 08: Dự án đã được cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021

Stt	Tên dự án	Diện tích CMĐSDR (ha)										Văn bản cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
		Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Quy hoạch đưa ra giai đoạn 2007-2015		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên		Rừng trồng
Tổng													
1	Nhà máy nước Phước Tân	0,47	0,47				0,309			0,157			QĐ số 2160/QĐ-UBND, ngày 08/11/2017
2	Đường GT Phước Đại-Phước Tân	4,37	4,34				4,08			0,29			QĐ 498/QĐ-UBND, ngày 13/9/2021
3	Đường dây 220kV Nha Trang-Tháp Chàm	0,130	0,039	0,0091			0,039	0,03			0,061		QĐ 502/QĐ-UBND, ngày 14/9/2021